

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/ HSST

Ngày: 21/12/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 . Ông Nguyễn Hồng Hải;

2 . Ông Bùi Quý Minh Ánh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2020/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/QĐXXST-HS ngày 07/12/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1986 tại HY; trú tại: tổ 6, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị T; có chồng là Ngô Văn T, vợ chồng có ba con chung, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: 1-Tại bản án số 81/2010/HSST ngày 22/4/2010 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử H 12 (mười hai) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/01/2010 đến ngày 08/01/2010. H được hoãn chấp hành hình phạt tù.

2- Tại bản án số 131/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện YP, tỉnh Bắc Ninh xử phạt H 08 (tám) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với mức hình phạt 12 (mười hai) tháng tù Tại bản án số 81/2010/HSST ngày 22/4/2010 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 20 tháng. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02/01/2010. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2018 (Giấy

chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1112/GCN ngày 14/10/2018 của Trại giam Phú Sơn 4). Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 94/2006/HHST ngày 11/8/2006 của Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 11/9/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1- Chị Đặng Thị Hoài T, sinh năm 1998; trú tại: Xóm 2A, xã NT, huyện ND, tỉnh Nghệ An (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2- Chị Linh Thị Ngọc H, sinh năm 2000; trú tại: Xóm NL, xã NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

1- Chị Trương Thị T, sinh năm 1997; trú tại: xóm 1, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);

2- Anh Tăng Văn N, sinh năm 1997; trú tại: xóm N, xã YS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

2- Anh Phùng Đức H, sinh năm 1994; trú tại: tổ 4, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 11/9/2020 Hằng đến khu vực công ty Sam Sung Thái Nguyên - Phở Yên với mục đích ban đầu là gặp và nhờ em dâu là D xin việc làm cho H. Sau đó H đi đến khu công nghiệp YB, thuộc tổ dân phố AB, phường DT, thị xã Phở Yên. Khi đi qua cửa hàng bán hoa quả đến quầy bán cháo thì H thấy một người nữ giới (sau này xác định là chị Đặng Thị Hoài T là công nhân Sam Sung). H thấy chị T có để một chiếc điện thoại trong túi áo khoác bên phải và đang đứng mua cháo. H đứng phía sau chị T dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng của chị T, khi H vừa lấy trộm được chiếc điện thoại của chị T, thì bị chị T phát hiện, yêu cầu kiểm tra. H không nhận mà bỏ đi vào cửa hàng bán quần áo của anh Tăng Văn N ở gần đó và giấu chiếc điện thoại tại vị trí giữa hai chân giá treo quần áo của quán có quần áo phủ lên, rồi đi ra luôn. Khi ra đến cửa quán thì chị T tiếp tục yêu cầu kiểm tra nhưng không thấy gì. Lúc này anh N kiểm tra trong cửa hàng thì phát hiện thấy chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng rồi đưa cho chị T xem, chị T đã xác định đúng là chiếc điện thoại của mình. Công an phường DT đã đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone

6S Plus màu hồng của chị T; thu giữ của H 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, 01 túi sách giả da màu trắng bên trong có 842.000 đồng (tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng), điện thoại có vỏ ốp màu trắng, bên trong vỏ ốp có 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị H.

Quá trình điều tra H khai nhận: 01 Chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu hồng là tài sản mà H đã trộm cắp của chị T ngày 11/9/2020; 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, 01 túi sách giả da màu trắng bên trong có 842.000 đồng (tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) điện thoại có vỏ ốp màu trắng, bên trong vỏ ốp có 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị H là tài sản của riêng H. Ngoài ra H còn khai nhận khoảng 07 giờ ngày 20/8/2020, H đi đến quán ăn ven đường gần ký túc xá Sam Sung thuộc tổ dân phố An Bình, phường ĐT, thị xã PY thì thấy một người phụ nữ (sau xác định là chị Linh Thị Ngọc H) đang đứng mua đồ ăn phía trước, trong túi khoác bên phải có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 (màu xanh đen). H liền nảy sinh ý định trộm cắp. H đi đến dùng tay cho vào túi trộm cắp chiếc điện thoại trên của chị H rồi bỏ đi. Sau khi lấy được điện thoại, H nhờ một người bạn có tên là T mang bán được 1.200.000 đồng và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra không xác định được người tên T là ai và ở đâu. Chiếc điện thoại cũng không thu hồi lại được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74/KLĐG ngày 11/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: “01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (màu hồng), điện thoại đã qua sử dụng, hiện trạng còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường trị giá là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KLĐG ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: “01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 (màu xanh đen), hiện trạng điện thoại còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường trị giá là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 186/CT-VKSPY ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Ngày 11/9/2020 trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng của chị T và trước đó ngày 20/8/2020 trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 màu xanh đen của chị H. Các vụ trộm cắp trên bị cáo đều thực hiện tại khu vực thuộc tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã Phổ Yên.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H từ 30 đến 36 tháng tù:

miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị cáo H đã bồi thường cho chị H xong số tiền 1.300.000đ; về vật chứng: Trả lại cho bị cáo H: 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax (màu đen) 01 túi sách giả da màu trắng; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị H; tạm giữ 842.000đồng (tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) của bị cáo H để đảm bảo thi hành án; về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, xác định hành vi phạm tội của mình bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người bị hại: Tại phiên tòa chị T, chị H vắng mặt. Tuy nhiên cả hai chị đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ trong vụ án, các kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Nguyễn Thị H thường lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu để trộm cắp tài sản là điện thoại di động của các bị hại. Cụ thể lần 1: Khoảng 07 giờ ngày 20/8/2020 tại khu vực gần ký túc xá Sam Sung thuộc tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị H đã trộm cắp của chị Linh Thị Ngọc H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme 3 (màu xanh đen) có trị giá 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng). Lần 2 Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 11/9/2020, tại khu vực hành lang đường công nghiệp 1, khu công nghiệp YB, thuộc tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY, Nguyễn Thị H đã trộm cắp

của chị Đặng Thị Hoài T 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus (màu hồng) trị giá 3.200.000đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Mặc dù lần trộm cắp tài sản của bị cáo Hằng vào ngày 20/8/2020 có trị giá tài sản dưới 2.000.000đồng, nhưng bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài” nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã có hai tiền án, chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi, ý thức nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số: 186/CT-VKSPY ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố Nguyễn Thị H về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

a...

g, Tái phạm nguy hiểm.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự, trị an ở địa phương, do đó việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, song không chịu rèn luyện, lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các chủ sở hữu rồi trộm cắp tài sản của họ nhằm mục đích bán lấy tiền phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bản thân, cũng chính từ đó đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 1.300.000đồng tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự để bồi thường cho bị hại, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, là người có nhân thân xấu, năm 2006 đã bị Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đã đương nhiên được xoá án tích, nhưng sau đó bị cáo đã không lấy

đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa bản thân, năm 2010 tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản và bị xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/01/2010 đến ngày 08/01/2010. Bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù năm 2016 lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị xử phạt 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 20 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2018. Lẽ ra sau nhiều lần bị xét xử và đi cải tạo về bị cáo phải lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa chữa bản thân và lao động chân chính mới đúng. Song bị cáo lại thể hiện là người lười lao động, coi thường pháp luật, tiếp tục phạm tội. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt và có ích cho xã hội được.

Về tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, là không phù hợp bởi bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm gây hoang mang, lo lắng, bất bình trong nhân dân. Do vậy không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà là phù hợp, được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm cắp của chị T đã được trả lại cho chị T, chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3 màu xanh đen mà bị cáo trộm cắp của chị H qua định giá có trị giá 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị là 1.300.000đồng. Yêu cầu này của chị H là phù hợp nên được chấp nhận. Ngày 07/12/2020 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền 1.300.000đồng tại Cơ quan Chỉ cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Nay cần khấu trừ vào số tiền 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) mà gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường cho chị H.

[7]. Về vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, đã qua sử dụng; 01 túi xách giả da màu trắng, đã qua sử dụng; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị H xác định là tài sản của riêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án nay cần trả lại cho bị cáo H.

Số tiền 842.000đồng (tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H không liên quan đến vụ án, lẽ ra cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên vì bị cáo có nghĩa vụ phải thi hành án phần án phí. Do vậy cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10]. Các hành vi khác: Trong vụ án này theo bị cáo H khai sau khi lấy trộm chiếc điện thoại của chị H, bị cáo H đã nhờ một người bạn chỉ biết gọi là T không rõ tên, địa chỉ cụ thể ở đâu mang bán chiếc điện thoại đó được 1.200.000đồng. Quá trình điều tra chưa xác định được người này là ai, ở đâu nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “ *Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị H 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Các Điều 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị H có trách nhiệm bồi thường cho chị Linh Thị Ngọc H trị giá chiếc điện thoại là 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền mà gia đình bị cáo H đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên biên lai thu tiền số 0000462 ngày 07/12/2020.

Chị Linh Thị Ngọc H được quyền sử dụng, sở hữu số tiền 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) do gia đình bị cáo H đã tự nguyện nộp thay bị cáo H tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ số tiền 842.000đồng (tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho bị cáo H: 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu đen, đã qua sử dụng; 01 túi xách giả da màu trắng, đã qua sử dụng; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị H.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 03 /12/2020 và uỷ nhiệm chi số 344 ngày 09 tháng 12 năm 2020*).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã PY;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND phường QV;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy